

Bản án số: 25/2022/HS-PT
Ngày 25-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: bà Phạm Thị Thanh Loan, bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Minh Huy - Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: ông Trần Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLPT-HS ngày 26/5/2022, đối với các bị cáo Lò A C, Lò A D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lò A C, sinh năm 1998 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn K, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Đạo tin lành; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Lò A H, sinh năm 1970 và bà Vàng Thị D1, sinh năm 1970; có vợ là Giàng Thị P, sinh năm 1997, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2022; có mặt.

2. Họ và tên: Lò A D, sinh năm 1981 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Đạo tin lành; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Lò A H1, sinh năm 1958 và bà Thào Thị T, sinh năm 1959; có vợ là Mã Thị C1, sinh năm 1984 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2021 đến ngày 31/12/2021; bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 31/12/2021; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Lò A D, Lò A C: ông Cao Xuân B - Luật sư Văn phòng luật sư Cao Xuân B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang; có mặt.

Ngoài ra còn có 06 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Những người tham gia tố tụng khác: Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khu rừng đặc dụng bị khai thác 09 cây gỗ nghiêng.

Cây thứ nhất: Tháng 11/2020, Lò A C2 một mình đem theo 01 máy cưa tìm cây Nghiến xẻ làm thớt bán, đến nơi thấy 01 cây Nghiến thân đứng còn tươi, C2 cắt đổ cây Nghiến đem máy cưa về nhà mục đích để xẻ phần lằn sau lên xẻ làm thớt bán, cây nghiêng còn nguyên tại hiện trường ký hiệu G25 khối lượng 5,92m³ thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Cây thứ 2 và cây thứ 4: Khoảng tháng 12/2020 đến tháng 02/2021, Mã Xuân D2 cùng Giàng A V đem theo máy cưa cắt hạ 02 cây gỗ nghiêng xẻ làm thớt bán cho 01 người tên Đ lấy tiền, cây số 2 ký hiệu G18 khối lượng 8,20m³, cây số 4 ký hiệu G22 khối lượng 5,80m³ thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Cây thứ 3: Khoảng tháng 11/2020, Lò A C2, Mã Văn T1, Mã A T2 cùng nhau đem theo máy cưa cắt đổ 01 cây Nghiến còn tươi đứng ký hiệu G03 khối lượng 17,078m³, sau khi cây đổ xẻ phần thân cây thành dạng thớt rồi vận chuyển bán cho 01 người tên Đại thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Cây thứ 5: Khoảng tháng 12/2020, D2 một mình đem theo 01 máy cưa xăng cắt hạ 01 cây Nghiến thân đứng còn tươi, sau khi cây đổ khoảng 06 ngày sau D2 cùng Lò A D đến vị trí cây Nghiến, rồi hai người xẻ 01 khúc ở phần đầu thân cây thành dạng thớt vận chuyển xuống thôn bán cho 01 người tên Đ lấy tiền. Cây ký hiệu là G24 khối lượng 11,46m³, phần Mã Xuân D2 và Lò A D khai thác 4,71m³, thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 155.

Cây thứ 6: Khoảng tháng 12/2020, Mã Xuân D2 cùng Giàng A V đem theo 01 máy cưa xăng cùng nhau cắt hạ 01 cây Nghiến thân đứng còn tươi, sau khi cây đổ D2, V, V1 xẻ thân cây thành thành khúc dạng thớt xong vận chuyển đi bán cho người tên là Đ, cây ký hiệu G06 khối lượng 7,89m³, phần Thảo A V1 tham gia khai thác 5,47m³ thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 155.

Cây thứ bảy: Khoảng tháng 12/2020, Mã Văn T, Mã A T1, Lò A C mang máy cưa xăng đi tìm cây nghiêng xẻ thớt bán, đến nơi phát hiện 01 cây gỗ nghiêng còn tươi đứng đã thay nhau cưa đổ và cùng nhau xẻ thân cây thành từng cục dạng thớt vận chuyển bán cho 01 người tên Đ lấy tiền. Cây nghiêng ký hiệu G02 khối lượng 14,4m³, thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 129.

Cây số tám: Khoảng tháng 12/2020, Giàng A V dùng máy cưa xăng cắt đổ 01 cây nghiêng thân đứng còn tươi, sau khi cây đổ không khai thác. Khoảng 03 ngày sau Mã Văn T, Mã A T1 đem máy cưa đến vị trí cây Nghiến mà V cưa đổ dùng máy cưa xẻ thân cây thành từng cục dạng thớt, vận chuyển bán cho 01 người tên Đ lấy tiền. Cây gỗ nghiêng ký hiệu G01 khối lượng 14,99m³, thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 155.

Cây thứ chín: Khoảng tháng 11/2020, Mã Văn T, Mã A T1, Mã Thánh Đ1 đem theo máy cưa tìm cây Nghiến xẻ làm thớt bán, đến nơi cả ba người thay nhau cắt hạ 01 cây Nghiến thân đứng còn tươi, sau khi cây gỗ đổ T, T1 thay nhau cắt xẻ thành các cục dạng thớt Đ1 do không biết xẻ nên tiến hành đẽ gọt

thót thành phẩm và cùng nhau vận chuyển xuống thôn bán cho 01 người tên Đ lấy tiền. Cây gỗ nghiêng ký hiệu G03, khối lượng 5,70m³, thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 155.

Biên bản xác định hiện trường ngày 27/7/2021 và biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/8/2021. Tổng 09 cây gỗ nghiêng trên do Mã Xuân D2, Lò A C, Mã Văn T, Mã A T1, Mã Thánh Đ1, Lò A D, Thào A V1, Giàng A V trực tiếp cắt hạ và khai thác địa phận xã N, huyện M. Đối tượng đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý. Khối lượng 91,438m³, giá trị 923.172.542 đồng.

2. Khu rừng phòng hộ 04 cây gỗ nghiêng

Khoảng tháng 8/2020 Mã Xuân D2 cùng Mã A T1 dùng máy cưa cắt đổ 01 cây gỗ Nghiến còn tươi đứng, cây gỗ nghiêng số 1 bị vỡ tâm không khai thác thành thót được ký hiệu G32 khối lượng 5,229m³; cây số 2 bị đổ từ trước ký hiệu G33 khối lượng 12,228m³, cả hai xẻ thân cây thành cục dạng thót khối lượng 0,741m³ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Trong tháng 8/2020 D2 cùng với Lò A C cùng nhau đi lên khu rừng cách vị trí cây gỗ do D2 và T1 khai thác 200m, khi lên đến nơi cùng nhau cắt hạ 02 cây gỗ nghiêng tươi đứng, sau đó cắt thành các khúc xẻ gỗ thành thót C đều tròn thót thành phẩm rồi cả hai vận chuyển 16 cục thót bán cho người đàn ông tên Đ lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, cây gỗ nghiêng số 3 đường kính gốc 90 cm ký hiệu G34 khối lượng 5,636m³, cây gỗ nghiêng số 4 ký hiệu G35 khối lượng 33,073m³.

Biên bản xác định hiện trường ngày 31/8/2021 và biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/9/2021. Tổng 04 cây gỗ nghiêng do Mã Xuân D2, Mã A T1, Lò A C trực tiếp cắt hạ và khai thác lô 2, khoảnh 6, tiểu khu 129; đối tượng rừng: Đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Mê quản lý. Tổng khối lượng gỗ nghiêng 56,166m³, giá trị 559.680.900 đồng.

3. Khu rừng sản xuất 31 cây gỗ nghiêng

Khoảng tháng 6/2020 đến tháng 8/2020, Lò A C, Mã A T1, Mã Văn T và Mã Thánh Đ1 dùng máy cưa cắt đổ 01 cây gỗ nghiêng còn tươi đứng xẻ thót bán, cây gỗ nghiêng số 18 ký hiệu G1 khối lượng 6,886m³ thuộc lô 5, khoảnh 16, tiểu khu 129; 02 cây gỗ nghiêng bị bật gốc từ trước, cây số 01 ký hiệu G22 khối lượng 3,56m³ các bị cáo khai thác cắt một phần thân cây dạng thót bán khối lượng 1,032m³ thuộc lô 5, khoảnh 15, tiểu khu 129 và cây số 2 ký hiệu G23 khối lượng 3,392m³ khai thác một phần khối lượng 0,208m³ thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Khoảng tháng 6/2020, Mã Xuân D2, Lò A C, Mã Văn T, Mã A T1, Mã Thánh Đ1 dùng máy cưa cắt đổ 01 cây gỗ Nghiến còn tươi đứng, đường kính gốc khoảng 80cm, sau đó xẻ thành các cục dạng thót đem đi bán lấy tiền tiêu xài, cây gỗ nghiêng số 19 ký hiệu G5 khối lượng 9,917m³ thuộc lô 5, khoảnh 16, tiểu khu 129.

Khoảng tháng 8/2020 đến tháng 01/2021, Mã Xuân D2 một mình trực tiếp cắt hạ và khai thác trong 12 cây gỗ nghiêng, mục đích xẻ xà, cột làm nhà và xẻ

làm thớt bán. Cây nghiêng số 20 ký hiệu G17 khối lượng $1,525\text{m}^3$ cắt hạ cây còn tươi đứng sau khi cây đổ D2 chưa xẻ còn nguyên tại hiện trường; cây gỗ số 21 ký hiệu G20 khối lượng $1,920\text{m}^3$ cây gỗ đã đổ từ trước D2 trực tiếp cắt thân cây thành 02 khúc xẻ được 04 thanh cột đỡ nguyên hiện trường; cây nghiêng số 13 ký hiệu G3 khối lượng $3,574\text{m}^3$, cây số 14 ký hiệu G07 khối lượng $4,881\text{m}^3$, cây số 4 ký hiệu G25 khối lượng $4,560\text{m}^3$, cây số 17 ký hiệu G26 khối lượng $6,191\text{m}^3$, cây số 28 ký hiệu G28 khối lượng $4,419\text{m}^3$, cây số 10 ký hiệu G37 khối lượng $1,613\text{m}^3$, cây số 11 ký hiệu G38 khối lượng $1,618\text{m}^3$, cây số 5 ký hiệu G26 khối lượng $3,327\text{m}^3$, các cây gỗ nghiêng trên D2 trực tiếp cắt đổ nhưng chưa xẻ xà, cột đỡ nguyên hiện trường. Đối với cây gỗ nghiêng số 8 ký hiệu G29 khối lượng $8,933\text{m}^3$ cây gỗ trên D2 xẻ thành thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cây gỗ nghiêng số 12 ký hiệu G39 khối lượng $2,686\text{m}^3$ D2 trực tiếp cắt hạ xẻ làm củ đụn trong gia đình.

Từ tháng 7/2020 đến đầu tháng 8/2020 Mã Xuân D2, Mã A T1 đi lên khu rừng sản xuất khai thác 05 cây gỗ nghiêng. Trong đó trực tiếp cắt hạ 03 cây gỗ nghiêng còn sống, thân đứng đường kính trung bình từ 70cm - 90cm và khai thác 02 cây gỗ nghiêng đã bị cắt đổ từ trước rồi xẻ thành thớt đường kính trung bình 35 - 40cm, dày 6cm vận chuyển về bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. 05 cây gỗ nghiêng tại biên bản khám nghiệm hiện trường cây gỗ nghiêng số 19 ký hiệu G11 khối lượng $9,143\text{m}^3$, cây gỗ nghiêng số 16 ký hiệu G15 khối lượng $3,142\text{m}^3$, cây gỗ nghiêng số 6 ký hiệu G27 khối lượng $2,216\text{m}^3$ đã bị cắt đổ D2 và T1 khai thác một phần $1,042\text{m}^3$. Cây gỗ nghiêng số 7 ký hiệu G28 khối lượng $1,039\text{m}^3$ bị bật gốc từ lâu bị mục D2, T1 khai thác một phần thớt khối lượng $0,891\text{m}^3$. Cây gỗ nghiêng số 9 ký hiệu G36 khối lượng $5,285\text{m}^3$.

Mã xuân D2 dùng máy cưa cắt hạ 01 cây gỗ còn tươi đứng đường kính khoảng 60cm, cây gỗ số 24 ký hiệu là G13 khối lượng $2,349\text{m}^3$ sau đó đi về nhà khoảng 03 ngày sau cùng Lò Xuân P tham gia xẻ được 10 cục thớt khối lượng $0,075\text{m}^3$ (Không phải không trăm bảy mươi lăm mét khối). D2 còn tham gia cắt hạ và khai thác cùng Lò A C 01 cây nghiêng còn tươi đường kính khoảng 80cm xẻ thân cây thành thớt sau đó cả hai vận chuyển bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cây gỗ số 25 ký hiệu G14 khối lượng $3,535\text{m}^3$.

Cuối tháng 6/2020 Mã Văn T, Mã A T1 cùng nhau cắt hạ 01 cây nghiêng còn tươi đứng đường kính gốc khoảng 80cm, mục đích làm nhà ở nhưng chưa khai thác. Cây gỗ nghiêng số 22 ký hiệu G6 khối lượng $5,255\text{m}^3$.

Khoảng tháng 10/2020 Mã Văn T một mình đi lên khu rừng sản xuất phát hiện 01 cây gỗ nghiêng đã bật gốc từ trước và bị khai thác một phần thân cây số 3 ký hiệu G24 khối lượng $1,590\text{m}^3$, T xẻ một phần khối lượng $0,954\text{m}^3$ thành thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Từ tháng 9/2020 đến tháng 01/2021 Thảo A V1 một mình dùng máy cưa khai thác 01 cây gỗ nghiêng đã bị cắt đổ ký hiệu G42 khối lượng $2,719\text{m}^3$ V1 khai thác một phần $0,634\text{m}^3$ xẻ thành thớt vận chuyển bán lấy tiền; V1 cắt hạ 01 cây còn tươi đứng, mục đích làm chuồng lợn hiện vẫn chưa xẻ để nguyên tại hiện trường ký hiệu G43 khối lượng $1,037\text{m}^3$ và 01 cây gỗ xẻ làm củ đụn trong gia đình cây gỗ ký hiệu G45 khối lượng $0,501\text{m}^3$.

Thào A V1 cùng Lò A V cùng nhau khai thác 01 cây nghiêng bị cắt đổ trước đường kính gốc khoảng 55cm ký hiệu G44 khối lượng 5,259m³, phần V1, V khai thác xẻ thành thớt bán lấy tiền khối lượng 0,196m³.

Khoảng tháng 8/2020 Lò A V khai thác 02 cây gỗ nghiêng đã bị cắt đổ từ trước tổng khối lượng 7,564m³, phần V khai thác xẻ thành thớt bán ký hiệu G40 khối lượng 1,993m³, G41 khối lượng 1,701m³.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/7/2021, 05/7/2021, 31/8/2021, 30/9/2021 và ngày 05/10/2021 xác định vị trí 31 cây gỗ nghiêng nhóm IIA tổng khối lượng 119,628m³ thuộc lô 5, khoảnh 15, tiểu khu 129; lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129; lô 36, khoảnh 15, tiểu khu 129G khai thác cắt hạ thuộc địa phận xã N, huyện M đối tượng rừng đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do UBND xã N, huyện M quản lý.

Bản kết luận giám định số 358, 368, 465, 569, 570, 571/CNR-VP ngày 27/7/2021; 23/9/2021 và 03/11/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận 44 (Bốn mươi bốn) mẫu gỗ gửi giám định “đồng nhất một chủng loại gỗ”, tên và nhóm gỗ cụ thể như sau: Tên Việt Nam: Nghiến; Tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm Nhóm IIA theo quy định của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật rừng, thực vật hoang dã nguy cấp quý hiếm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13, 14, 28, 31/KL-HĐĐGTTHS ngày 11/8/2021; 30/9/2021 và ngày 24/11/2021 kết luận tổng khối lượng bị khai thác 267, 232m³ gỗ nghiêng, nhóm IIA, tổng giá trị 2.586.359.342 đồng. Trong đó 17,079m³ giá trị 163.667.700 đồng chuyển Hạt kiểm lâm huyện xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTTHS, ngày 11/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận 15 thanh gỗ Nghiến nhóm IIA, tổng khối lượng 1,953m³ giá trị 7.421.400 đồng; 06 cục gỗ Nghiến nhóm IIA, tổng khối lượng 0,076m³ giá trị 705.000 đồng. Tổng giá trị 8.126.400 đồng.

Ngày 22/7/2021, 28/7/2021, 05/8/2021 Mã Xuân D2, Mã A T1, Mã Văn T, Lò A C1, Mã Thánh Đ1, Lò A D đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M đầu thú; đối với Mã Xuân D2 còn khai được tham gia khai thác cùng Lò A C tại khu rừng phòng hộ, Thào A V1 tại khu rừng đặc dụng đồng thời thu giữ tại nhà Mã Xuân D2 15 thanh gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng 1,953m³ quy tròn và 06 cục gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng 0,076m³.

Tang vật thu giữ: 38 cây nghiêng nhóm IIA khối lượng tại hiện trường 250,127m³ hiện đã tạm giao chủ rừng quản lý. Ban quản lý rừng đặc dụng D 09 cây nghiêng nhóm IIA khối 91,438m³; Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý 04 cây nghiêng nhóm IIA khối lượng 56,166m³; UBND xã N 25 cây nghiêng nhóm IIA khối lượng 102,523m³; 01 máy cưa nhãn hiệu KANTA 088, màu sơn đỏ - đen; 21 thanh, cục gỗ nghiêng; trong đó 15 thanh gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng 1,953m³ và 06 cục gỗ nghiêng nhóm IIA, khối lượng 0,076m³.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Mã Xuân D2, Mã A T1, Mã Văn T, Lò A C1, Lò A C, Mã Thánh Đ1, Thảo A V1, Lò A D phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50, điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mã Xuân D2, Mã A T1, Mã Văn T, Lò A C1.

Xử phạt bị cáo Mã Xuân D2 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/7/2021; bị cáo Mã A T1 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/7/2021; bị cáo Mã Văn T 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/7/2021; bị cáo Lò A C1 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/7/2021.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50, điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò A C.

Xử phạt bị cáo Lò A C 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, điều 38, điều 50, điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mã Thánh Đ1.

Xử phạt bị cáo Mã Thánh Đ1 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 22/7/2021 đến ngày 18/12/2021.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, điều 38, điều 50, điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Thảo A V1, Lò A D.

Xử phạt bị cáo Thảo A V1 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù; bị cáo Lò A D 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 05/8/2021 đến ngày 31/12/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/4/2022, các bị cáo Lò A C có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Lò A D kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo Lò A D giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo C xin rút một phần kháng cáo: xin rút yêu cầu kháng cáo cho hưởng án treo, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án và nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lò A C và Lò A D về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” là đúng người, đúng tội, mức hình phạt của bị cáo C là 05 năm tù và bị cáo D là 24 tháng

tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lò A C, Lò A D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng không có kháng cáo nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Về án phí: miễn khoản án phí HSPT cho các bị cáo.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: các bị cáo có nhân thân tốt, gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, tham gia vụ án với vai trò thứ yếu, bị cáo D có thân nhân là người có công với nước, bị cáo C có vợ đang bị bệnh nặng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò A D; đối với bị cáo Lò A C đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C để bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng bị cáo C xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo D xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lò A C xác nhận bản thân đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 02 cây nghiêng nhóm IIA rừng phòng hộ thuộc xã N, huyện M tổng khối lượng 38,709m³, giá trị 381.619.500 đồng; bị cáo Lò A D xác nhận đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA rừng đặc dụng thuộc xã N, huyện M khối lượng 4,75m³, giá trị 48.467.034 đồng. Như vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lò A C về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm d khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lò A D về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lò A C; kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lò A D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo Lò A C phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo Lò A D phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý Nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật

tự, an toàn xã hội tại địa phương. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đầy đủ về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo để cân nhắc khi áp dụng hình phạt.

[4] Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo C, D có đơn xin xác nhận bản thân là lao động chính trong gia đình, gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo C có vợ bị bệnh, bị cáo D có bố đẻ là người có công (tham gia dân công hỏa tuyến). Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng là 05 năm tù đối với bị cáo C, 24 tháng tù đối với bị cáo D là hoàn toàn thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C, cũng như kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo D.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đồng thuận với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: các bị cáo Lò A C, Lò A D là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

1. Tuyên bố: các bị cáo Lò A C, Lò A D phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 232, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò A C 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò A D 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2021 đến ngày 31/12/2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho các bị cáo Lò A C và Lò A D.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện M;
- CQ CSĐT Công an huyện M;
- CQ THA.HS Công an huyện M;
- Tòa án nhân dân huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường